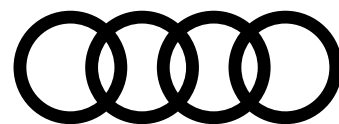


# Q8 SUV



Nhà Nhập Khẩu Chính Thức Audi  
**AUTOMOTIVE ASIA LTD**

[www.audi.vn](http://www.audi.vn)  
[contact@audi.vn](mailto:contact@audi.vn)  
Hotline: 1800888861  
 /AudiVietnam

Nhà Phân Phối Chính Thức Audi

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN Á QUỐC TẾ**

**Audi Hà Nội**  
8 Phạm Hùng,  
Phường Yên Hòa, Hà Nội  
Tel: (24) 3768 5959  
Fax: (24) 3768 5960

**Audi Đà Nẵng**  
86C Duy Tân,  
Phường Hòa Cường  
Tel: (236) 3788 686  
Fax: (236) 3798 686

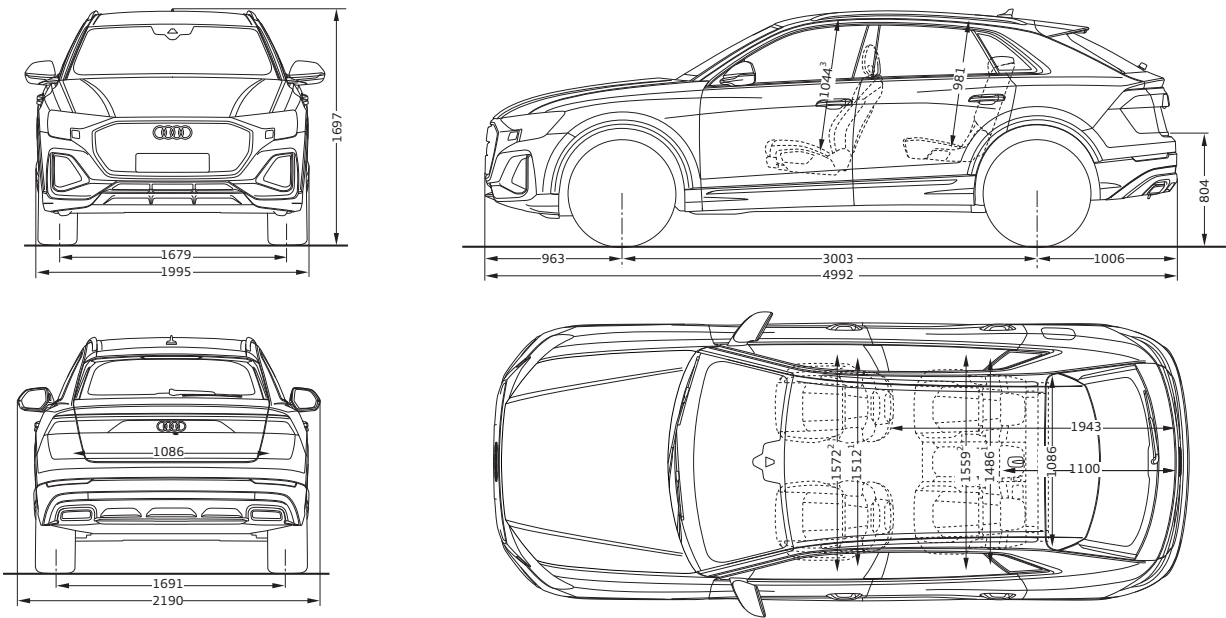
**Audi Hồ Chí Minh City**  
6B Tôn Đức Thắng,  
Phường Sài Gòn  
Tel: (28) 3911 8008  
Fax: (28) 3824 3961

**Audi Tân Bình HCM**  
Lô IV-22 Tây Thạnh,  
Phường Tây Thạnh, Tp. HCM  
Tel: (28) 3943 0089  
Fax: (28) 3943 0079

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                                             | Q8 SUV 55 TFSI quattro                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ĐỘNG CƠ                                                     |                                                                                                                                                          |
| Nhiên liệu                                                  | Petrol                                                                                                                                                   |
| Loại động cơ                                                | Động cơ xăng V6 xi-lanh phun xăng trực tiếp, hệ thống điều khiển cảm biến oxy, kiểm soát tiếng gõ và tăng áp bằng khí thải, công nghệ Mild Hybrid (MHEV) |
| Dung tích (cc)                                              | 2.995                                                                                                                                                    |
| Công suất cực đại kW (hp)/rpm                               | 250 (340 HP) / 5.200 - 6.400 min -1                                                                                                                      |
| Mô-men xoắn cực đại Nm/rpm                                  | 500 /1.370 - 4.500 min -1                                                                                                                                |
| TRUYỀN ĐỘNG                                                 |                                                                                                                                                          |
| Hộp số                                                      | 8 cấp Tiptronic                                                                                                                                          |
| Dẫn động                                                    | Hệ dẫn động 4 bánh toàn thời gian quattro với vi sai trung tâm tự khóa                                                                                   |
| HIỆU SUẤT                                                   |                                                                                                                                                          |
| Gia tốc 0-100km/h (sec.)                                    | 5.6 (Mâm xe 19 inch)                                                                                                                                     |
| Tốc độ tối đa (km/h)                                        | 250                                                                                                                                                      |
| Tiêu hao nhiên liệu l/100km<br>(Đô thị / Cao tốc / Kết hợp) | 15,2/11,6/11,4<br>17,64/10,64/13,22 (VR)                                                                                                                 |
| Hệ thống Khởi động/Dừng                                     | Có                                                                                                                                                       |
| PHANH                                                       |                                                                                                                                                          |
| Trước                                                       | Đĩa phanh 18 inch (NAO)                                                                                                                                  |
| Sau                                                         | Đĩa phanh 18 inch (NAO)                                                                                                                                  |
| Hỗ trợ phanh                                                | Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)                                                                                                                       |

Số đo (Tất cả tính bằng mm)



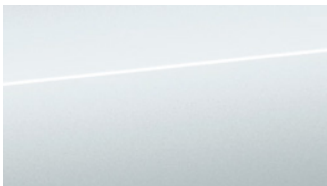
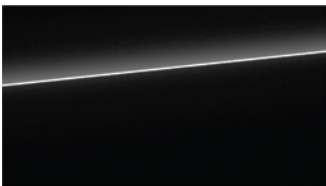
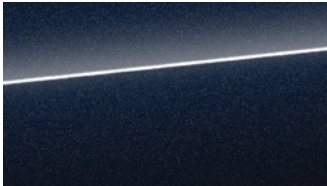
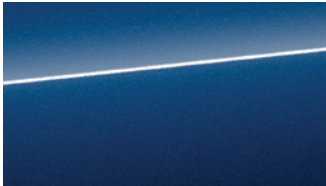
Kích thước dựa trên dữ liệu kỹ thuật từ Audi Đức.  
Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi

|                              |               |
|------------------------------|---------------|
| Chiều dài cơ sở              | 3.003         |
| Dài                          | 4.992         |
| Cao                          | 1.697         |
| Rộng (gập gương/mở gương)    | 1.995 / 2.190 |
| Vết bánh xe (trước/sau)      | 1.679 / 1.691 |
| Trọng lượng xe (kg)          | 2.194         |
| Đường kính vòng quay (m)     | 13,3          |
| Dung tích khoang hành lý (l) | 605/1.755     |
| Dung tích bình xăng (l)      | 85            |

| TRANG BỊ                                                                                    | Q8 SUV 55 TFSI quattro |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|                                                                                             | S line                 |
| AN TOÀN                                                                                     |                        |
| Hệ thống túi khí                                                                            | •                      |
| Túi khí bên ở phía trước và hệ thống túi khí rèm                                            | •                      |
| Các chốt cố định ghế trẻ em ISOFIX với dây neo trên cùng cho hàng ghế sau                   | •                      |
| Tính năng nhắc nhở thắt dây an toàn                                                         | •                      |
| Bộ sơ cứu, tam giác cảnh báo và áo phản quang                                               | •                      |
| CÔNG NGHỆ VÀ HỆ THỐNG HỖ TRỢ                                                                |                        |
| Hệ thống điện 48-V                                                                          | •                      |
| Bình nhiên liệu tăng thể tích                                                               | •                      |
| Tùy chọn chế độ lái Audi Drive Select                                                       | •                      |
| Nắp khoang hành lý chỉnh điện                                                               | •                      |
| Nắp khoang hành lý, đóng mở bằng điện                                                       | •                      |
| Chìa khóa tiện nghi với chức năng mở khoang hành lý điều khiển bằng cảm biến với SAFELOCK   | •                      |
| Hệ thống chuông chống trộm                                                                  | •                      |
| Hệ thống kiểm soát hành trình với chức năng giới hạn tốc độ                                 | •                      |
| Còi 2 âm                                                                                    | •                      |
| Cửa hít tự động                                                                             | •                      |
| Chức năng Hold Assist khi dừng xe ngang dốc                                                 | •                      |
| NGOẠI THẤT                                                                                  |                        |
| Cản xe S line được sơn hoàn thiện                                                           | •                      |
| Giá nóc màu đen                                                                             | •                      |
| Gối ngoại thất đen huyền bí                                                                 | •                      |
| Kính chắn gió bằng kính phản nhiệt                                                          | •                      |
| Cửa sổ bên và sau bằng kính phản nhiệt                                                      | •                      |
| Gương chiếu hậu bên trái, lồi                                                               | •                      |
| Tấm che nắng phía trước                                                                     | •                      |
| Vỏ gương ngoại thất cùng màu thân xe                                                        | •                      |
| Gương chiếu hậu bên ngoài chỉnh điện, sưởi và gập điện,tự động chống lóa, tính năng ghi nhớ | •                      |
| Công nghệ luồng sáng Matrix                                                                 | •                      |
| Hệ thống đèn pha LED với các thấu kính                                                      | •                      |
| Đèn ban ngày riêng biệt                                                                     | •                      |
| Gối đèn hậu LED và đèn báo rẽ chuyển động                                                   | •                      |
| Hệ thống rửa đèn pha                                                                        | •                      |
| Tản nhiệt khung đơn màu đen                                                                 | •                      |
| Cửa sổ sau, kính cửa sau và kính cửa bên bằng kính trong suốt                               | •                      |
| BÁNH XE VÀ HỆ THỐNG TREO                                                                    |                        |
| Lốp 285/45 R21 113Y XL lực cản lăn thấp                                                     | •                      |
| Hệ thống treo có điều khiển giảm chấn                                                       | •                      |
| Chưa bao gồm tính năng lăn ổn định chủ động                                                 | •                      |
| Bu lông bánh xe tiêu chuẩn                                                                  | •                      |
| Hệ thống giám sát áp suất lốp gián tiếp                                                     | •                      |
| Tay lái trợ lực cơ điện                                                                     | •                      |
| Lốp dự phòng có thể cất gọn                                                                 | •                      |
| Bộ dụng cụ và con đội                                                                       | •                      |
| NỘI THẤT & TIỆN NGHI                                                                        |                        |
| Thảm lót sàn phía trước và phía sau                                                         | •                      |
| Vô-lăng đa chức năng bọc da, 3 chấu, có lẫy chuyển số                                       | •                      |
| Sàn khoang hành lý                                                                          | •                      |
| Thảm lót sàn khoang hành lý                                                                 | •                      |
| Ghế trước chỉnh điện có tính năng nhớ vị trí ghế lái                                        | •                      |
| Ghế bằng phía sau Plus                                                                      | •                      |
| Gương chiếu hậu bên trong tự điều chỉnh độ sáng, tràn viền                                  | •                      |
| Các chi tiết ốp trang trí bằng nhôm xước mờ                                                 | •                      |
| Tựa đầu phía trước                                                                          | •                      |
| Tựa tay trung tâm tiện nghi phía trước                                                      | •                      |
| Trần xe bọc vải                                                                             | •                      |
| Phần trên của bảng điều khiển có đường chỉ khâu tương phản                                  | •                      |
| Hỗ trợ tựa lưng 4 chiều cho hàng ghế trước                                                  | •                      |
| Mỗi lửa và gạt tàn thuốc lá                                                                 | •                      |
| Các nút điều khiển màu đen bóng với phản hồi xúc giác và các chi tiết nội thất bằng nhôm    | •                      |
| Ghế bọc da Cricket                                                                          | •                      |
| Ghế tiêu chuẩn phía trước                                                                   | •                      |
| Gối đèn nội thất đa sắc                                                                     | •                      |
| Ốp bệ cửa bằng nhôm ở phía trước và phía sau, được chiếu sáng, có logo "S" ở phía trước     | •                      |
| Hệ thống điều hòa không khí 4 vùng                                                          | •                      |

| THÔNG TIN GIẢI TRÍ                                                                               |   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| Hộp sạc không dây Audi chuẩn Qi                                                                  | • |
| Hệ thống âm thanh cao cấp Bang & Olufsen với âm thanh 3D, 17 loa                                 | • |
| Màn hình hiển thị thông tin lái xe kỹ thuật số Audi virtual cockpit                              | • |
| Giao diện kết nối điện thoại thông minh                                                          | • |
| Hiển thị thông tin trên kính chắn gió Head-up display (HUD)                                      | • |
| Cổng USB Type C công suất sạc 15w phía sau                                                       | • |
| TÙY CHỌN                                                                                         |   |
| Cảnh báo chệch làn đường                                                                         | • |
| Gương chiếu hậu ngoài bên phải, phi cầu                                                          | • |
| Các tính năng an toàn chủ động Audi pre sense basic                                              | • |
| Tính năng hỗ trợ đỗ xe tự động                                                                   | • |
| Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Việt                                                                | • |
| Đèn LED chào mừng khi mở cửa phía trước và phía sau                                              | • |
| Gói hỗ trợ đỗ xe Plus                                                                            | • |
| Camera 360                                                                                       | • |
| Camera đa chức năng                                                                              | • |
| Mâm hợp kim, 5 chấu kiểu chữ V (kiểu S), màu xám Graphite, phay bóng, lớp 10.0J x 21, 285/45 R21 | • |
| Mâm hợp kim, 5 chấu kiểu W, màu xám Graphite, phay bóng, lớp 10.0J x 21, 285/45 R21              | • |

Tùy chọn màu sơn (S line):

|                                                                                   |                                                                                    |                                                                                     |                                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
|   |   |   |   |
| OQ Trắng Carrara, đơn sắc                                                         | F0 Bạc Satellite, ánh kim                                                          | 2Y Trắng Glacier, ánh kim                                                           | 0E Đen Mythos, ánh kim                                                               |
|  |  |  |  |
| W0 Đỏ Chili, ánh kim                                                              | D6 Xanh Waitomo, ánh kim                                                           | Z2 Sakhirgold, ánh kim (**)                                                         | 9W Xanh Ascari, ánh kim (**)                                                         |

(\*\*) Tùy chọn có tính thêm phí

Giá khởi điểm từ: 4.200.000.000 VND



Quét mã QR  
hoặc truy cập [www.audi.vn](http://www.audi.vn)  
để biết thêm thông tin

Thông số kỹ thuật thực tế có thể có thay đổi  
Thông tin chính xác vào tháng 3 năm 2024